DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo QĐ Số 1810/QĐ-ĐHGTVT-PH.HCM ngày 18 tháng 10 năm 2022

STT	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Miễn HP	Giảm HP
1	5951010159	Huỳnh Việt	Tâm	06/11/2000	CQ.59.CĐB	TNLĐ		50%
2	5954010106	Nguyễn Thị Huyền	Trân	15/11/2000	CQ.59.KXD	Con TB	100%	
3	5954051034	Phạm Hữu Minh	Thi	11/02/2000	CQ.59.QLXD	Con TB	100%	
4	6051020047	Lê Nguyễn Trung	Kiên	20/12/2001	CQ.60.ĐT&THCN	Mồ côi	100%	
5	6051020081	Trần Minh	Thuận	09/11/2001	CQ.60.ĐT&THCN	TNLĐ		50%
6	6051040125	Mễ Văn	Công	10/04/2001	CQ.60.KTOTO.1	DT San Chí + Xã KV III		70%
7	6054041060	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	25/03/2001	CQ.60.KTTH	Con TB	100%	
8	6051020015	Phan Nguyễn Phúc	Đa	08/04/2001	CQ.60.KTVT	TNLĐ		50%
9	6051050118	Nguyễn Thị Tuyết	Thẩm	18/06/2001	CQ.60.LOG.2	Con TB	100%	
10	6051030015	Nguyễn Hoàng	Dũng	29/03/2001	CQ.60.TĐH	CSNTB	100%	
11	615104C054	Võ Phạm Minh	Trí	05/03/2002	CQ.61.KTCĐT	Mồ côi	100%	
12	6151060001	Lê Công	Danh	13/11/2002	CQ.61.TBDGT	Con TB	100%	
13	6151060026	Châu Xuân	Hiếu	02/02/2001	CQ.61.TBDGT	DT Chăm + Hộ CN	100%	
14	6151040112	Ma Văn	Trung	30/05/2002	CQ.61.KTOTO.2	Mồ côi	100%	
15	6151050014	Phạm Quốc	Tưởng	01/03/2002	CQ.61.QHO	CSNTB	100%	
16	6154004031	Trần Ngọc Bảo	Châu	05/11/2002	CQ.61.KTVTDL	TNLĐ		50%
17	6154010017	Cao Văn	Minh	09/01/2002	CQ.61.KTXD.2	Con TB	100%	
18	6154010045	Thái Thị Minh	Duyên	10/01/2002	CQ.61.KTXD.1	TNLĐ		50%
19	615105L010	Nguyễn Hà	Thanh	23/10/2002	CQ.61.LOGISTICS	Con TB	100%	
20	615105L056	Chí Yến	Linh	16/04/2002	CQ.61.LOGISTICS	DT Nùng + Hộ CN	100%	
21	6151100026	Nguyễn Tấn	Minh	17/07/2002	CQ.61.XDDD.1	TNLĐ		50%
22	6251041036	Huỳnh Tuấn	Hào	25/05/2003	CQ.62.CKĐL	Con TB	100%	
23	6251071069	Bùi Tấn	Phát	21/10/2003	CQ.62.CNTT	Khuyết tật	100%	
24	6251020071	Nông Trung	Nguyên	25/01/2003	CQ.62.KTĐTVT	DT Nùng + Thôn ĐBKK		70%
25	6251040102	Báo Đại	Phú	10/04/2003	CQ.62.KTOTO.2	DT Chăm + Hộ CN	100%	
26	6251010111	Nguyễn Khắc	Đẳng	28/09/2003	CQ.62.KTXDCTGT.1	Con TB	100%	
27	6351041009	Vũ Hoài	Đức	25/03/2003	CQ.63.CKĐL	Con TB	100%	
28	6354030099	Hoàng	Tùng	20/08/2004	CQ.63.QTKD	TNLĐ		50%

Danh sách này có 28 sinh viên./.

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC TRỢ CẤP XÃ HỘI
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo QĐ Số 1810/QĐ-ĐHGTVT-PH.HCM ngày 18 tháng 10 năm 2022

STT	MSSV	HỌ TÊN		NĂM SINH	LỚP	DIỆN CS	Mức trợ cấp	Số tiền
1	5954010088	Lộc Văn	Thiệu	13/01/2000	CQ.59.KXD	DT Nùng + VC	1 kỳ	840,000
2	6051020047	Lê Nguyễn Trung	Kiên	20/12/2001	CQ.60.ĐT&THCN	Mồ côi	1 kỳ	600,000
3	6051040125	Mễ Văn	Công	10/04/2001	CQ.60.KTOTO.1	DT San Chí + VC	1 kỳ	840,000
4	6051040204	Bùi Văn	Nhã	04/10/2001	CQ.60.KTOTO.2	DT Mường + VC	1 kỳ	840,000
5	6051050090	Nguyễn Thị Linh	Nhi	29/07/2001	CQ.60.LOG.2	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
6	6051071039	Ngô Tùng	Hiền	29/05/2001	CQ.60.CNTT	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
7	6051100003	Trần Tiến	Anh	02/07/2001	CQ.60.XDDD.1	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
8	6051100174	Võ Đình	Toàn	25/12/2001	CQ.60.XDDD.2	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
9	6054021032	Nguyễn Thị Bích	Thoại	28/04/2001	CQ.60.KTBC	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
10	6151010003	Trần Quốc	Bảo	06/07/2002	CQ.61.DGBO	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
11	6151010066	Lê Nguyễn Hải	Yến	02/06/2002	CQ.61.DGBO	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
12	6151030038	Phạm Văn	Đô	20/07/2002	CQ.61.TDH	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
13	6151040112	Ma Văn	Trung	30/05/2002	CQ.61.KTOTO.2	Mồ côi	1 kỳ	600,000
14	6151071034	Trần Đức	Anh	27/07/2002	CQ.61.CNTT	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
15	6154010076	Nguyễn Thị Linh	Nhi	18/10/2002	CQ.61.KTXD.2	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
16	6154010086	Triệu Văn	Thành	30/04/2002	CQ.61.KTXD.2	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
17	6154030008	Nguyễn Trúc	Linh	19/10/2002	CQ.61.QTKD	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
18	615104C054	Võ Phạm Minh	Trí	05/03/2002	CQ.61.KTCĐT	Mồ côi	1 kỳ	600,000
19	6151050002	Võ Thị	Hồng	05/03/2002	CQ.61.QHO	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
20	6251040002	Trương Thị Hiền	Diệu	04/10/2003	CQ.62.KTOTO.1	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
21	6251050012	Huỳnh Thị Thu	Hiếu	02/09/2003	CQ.62.KTVTAI	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
22	6251050021	Lê Yến	Nhi	04/06/2003	CQ.62.KTVTAI	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
23	6254010063	Đàm Thị	Hương	04/02/2003	CQ.62.KTXD	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
24	6254041059	Nguyễn Thị Mỹ	Nga	16/12/2003	CQ.62.KTTH	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
25	6254041076	Lê Thị Mỹ	Thu	24/12/2003	CQ.62.KTTH	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
26	6254041098	Ngô Thị Kim	Yến	10/04/2003	CQ.62.KTTH	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
27	625105L108	Bùi Thị Thùy	Trang	08/05/2003	CQ.62.LOGISTICS	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
28	6351010105	Lê Xuân	Trường	24/04/2004	CQ.63.KTXDCTGT.1	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
29	6351040023	Nguyễn Minh	Hùng	23/09/2004	CQ.63.KTOTO	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
30	6354006078	Bùi Thị Kim	Yến	13/04/2004	CQ.63.QTDL&LH	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
31	6354030011	Nguyễn Thành	Đại	05/05/2004	CQ.63.QTKD	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
32	6354030082	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	26/01/2004	CQ.63.QTKD	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
33	6354030024	Tô Lê Nhật	Hằng	29/12/2004	CQ.63.QTKD	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
34	6354041040	Trần Gia	Miên	01/05/2004	CQ.63.KTTH	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
35	635105L044	Phạm Thị	Loan	25/06/2003	CQ.63.LOGISTICS	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000
36	635105L073	Chế Thị Phi	Nhung	14/06/2004	CQ.63.LOGISTICS	Hộ nghèo	1 kỳ	600,000

Danh sách này có 36 sinh viên./.

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHI HỌC TẬP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo QĐ Số 1810/QĐ-ĐHGTVT-PH.HCM ngày 18 tháng 10 năm 2022

- Mức hỗ trợ là 60% lương cơ sở

STT	HỌ TÊN	MSSV	NĂM SINH	LỚP	DIỆN CS	MỨC HỖ TRỢ
1	Châu Xuân Hiếu	6151060026	02/02/2001	CQ.61.TBDGT	DT Chăm + Hộ CN	1 kỳ
2	Báo Đại Phú	6251040102	10/04/2003	CQ.62.KTOTO.2	DT Chăm + Hộ CN	1 kỳ
3	Chí Yến Linh	615105L056	16/04/2002	CQ.61.LOGISTICS	DT Nùng + Hộ CN	1 kỳ

Danh sách này có 03 sinh viên./.